

Bản án số: 06/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 22 - 3 - 2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Long
2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H sinh năm: 1991
Địa chỉ: Khu vực T, phường Ph, quận C, thành phố Cần Thơ (có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Trương Văn H sinh năm: 1989
Địa chỉ: Ấp Th, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22/8/2018 cùng các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Trương Văn H tổ chức đám cưới và sống chung với nhau vào năm 2010. Đến năm 2011, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường

Ph, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2018 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là chị H phát hiện anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mặt khác, thời gian này anh mê cờ bạc, đi nhậu về chửi mắng và đánh chị. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên anh, chị đã ly thân từ tháng tháng 08 năm 2018 cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung cháu Trương Văn S, sinh ngày 29/11/2010, từ khi ly thân đến nay con chung đang do chị H nuôi dưỡng. Nay chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn H trình bày: Anh thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung như chị H trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng anh H cho rằng nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế, tiền bạc trong gia đình. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau.

Nay anh còn thương vợ, không đồng ý ly hôn. Trường hợp phải ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán – Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Văn H chung sống với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện. Việc đăng ký kết hôn của anh chị được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định và không vi phạm điều kiện kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Theo chị H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do anh H chơi bời, cờ bạc không lo làm ăn, không lo cho gia đình. Bên cạnh đó, anh H còn chửi mắng, đánh chị và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc. Về phía anh H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Từ đó, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H

xảy ra là sự thật dù nguyên nhân mỗi bên trình bày khác nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến anh, chị thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị H đã về nhà mẹ ruột ở. Anh, chị ly thân nhau từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải và cho thời gian để các bên hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành, xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu để kéo dài cũng không thể nào hàn gắn được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị H và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con chung, xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu S đang ở với chị H và đi học tại trường tiểu học Ph. Hơn nữa, cháu có nguyện vọng muốn ở với chị H vì cho rằng được mẹ chăm sóc chu đáo. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống, ổn định về mặt học tập cũng như tôn trọng ý kiến, nguyện vọng được ở với mẹ của cháu S, cần giao cháu S cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh H không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trương Văn H
2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Văn S sinh ngày 29/11/2010 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho anh H không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết
4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0017866 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Thọ